

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thị Bích Liên.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn Anh **Phạm Văn T** – Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Th, xã V, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ph** - sinh năm 1985. Vắng mặt.

Nguyên quán: Thôn Th, xã V, huyện Th, tỉnh Hải Dương; HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn Th, xã V, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã V, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh **Phạm Văn T** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị Ph** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Th,

ngày 19/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không đồng thuận trong việc làm ăn kinh tế. Bản thân anh T không muốn vay tiền để làm ăn kinh tế, nhưng chị Ph vẫn đi làm kinh tế riêng dẫn đến nợ nần nhiều. Năm 2013 chị Ph đi lao động ở nước ngoài để gửi tiền về trả nợ, đến năm 2015 vợ chồng thường nhắn tin, gọi điện nhưng cãi nhau căng thẳng, năm 2017 chị Phương về phép nhưng cũng không quan tâm gì tới anh và gia đình. Đến tháng 9/2017 chị Ph tiếp tục đi Đài Loan (Trung Quốc) để làm ăn kinh tế cho đến nay chưa về Việt Nam. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quốc Tr – sinh ngày 03/12/2008 hiện đang ở với anh T và Phạm Thị Phương Th – sinh ngày 09/10/2010 hiện đang ở với ông bà ngoại là Nguyễn Văn T, Lê Thị H. Anh T có nguyện vọng được nuôi con chung Phạm Quốc Tr, anh nhất trí để con chung Phạm Thị Phương Th ở với chị Phương và ông bà ngoại. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Nguyễn Văn T thể hiện: Chị Ph đang sinh sống và lao động ở Đài Loan (Trung Quốc), gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Ph là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế, ngoài ra anh T cũng không tin tưởng chị Ph. Nay anh T có đơn ly hôn, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình ông T cũng thường xuyên liên lạc với chị Ph qua điện thoại và đã thông báo việc anh T khởi kiện ly hôn. Chị Ph có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung: Chị Ph đề nghị được nuôi con là Phạm Thị Phương Th và ủy quyền cho ông T nuôi cháu trong thời gian chị ở nước ngoài. Về tài sản chung: Chị Ph không đề nghị giải quyết. Chị Ph đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của anh T, chị Ph là Phạm Quốc Tr có nguyện vọng được ở với anh T. Còn Phạm Thị Phương Th có nguyện vọng được ở với chị Ph và ông bà ngoại.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, chị Ph cũng có thời gian về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân. Nay anh T có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị giữ nguyên đối với yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ

án. Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho anh Phạm Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị Ph; Về con chung: Giao con chung là Phạm Quốc Tr cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Phạm Thị Phương Th cho chị Ph nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị Ph có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở xã V, huyện Th, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và gia đình chị Phương không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Phương ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông T vẫn thường xuyên liên lạc với chị Ph nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho chị Ph biết. Tại phiên tòa, chị Ph vắng mặt lần thứ hai và đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T, ông T đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Ph kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Th, tỉnh Hải Dương, năm 2008, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Không có sự tin tưởng lẫn nhau. Từ lâu vợ chồng cũng không có sự quan tâm, chia sẻ gì. Thông qua gia đình, chị Ph thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Ph đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T ly hôn chị Ph là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Ph có 02 con chung là Phạm Quốc Tr – sinh ngày 03/12/2008 hiện đang ở với anh Tuyên và Phạm Thị Phương Th – sinh ngày 09/10/2010 hiện đang ở với ông bà ngoại là Nguyễn Văn T, Lê Thị H. HĐXX xét thấy các con chung của anh T, chị Ph đều sinh sống, học tập ổn định tại môi trường hiện tại. Bản thân anh T có công việc, chỗ ăn ở ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Anh T cũng nhất trí để ông

Nguyễn Văn T tạm nuôi con anh trong thời gian chị Ph ở nước ngoài. Do vậy, HĐXX chấp nhận giao con chung cho Phạm Quốc Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Thị Phương Th cho chị Ph nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Đối với con chung Phạm Thị Phương Th hiện đang ở với ông bà ngoại, do vậy cần tạm giao cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng trong thời gian chị Ph ở nước ngoài. Như vậy là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Ph xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Phạm Văn T** ly hôn chị **Nguyễn Thị Ph**

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Quốc Tr – sinh ngày 03/12/2008, giao cho chị Nguyễn Thị Ph nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Phương Th – sinh ngày 09/10/2010 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T, chị Ph không phải cấp dưỡng cho con.

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh T, chị Ph là cháu Phạm Thị Phương Th – sinh ngày 09/10/2010 trong thời gian chị Ph ở nước ngoài.

Không ai được cản trở anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ph thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/005991 ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Th (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân